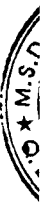


**Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



# Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 33

# Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244//2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và cung cấp dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có văn phòng đại diện tại Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên	
Ông Trần Đình Long	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2014

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	
Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2014

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Khải	Phó tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Văn Khải được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10.2 của báo cáo tài chính riêng và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để đáp ứng các quy định về về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Văn Khải  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 2 năm 2015



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61063721/16997808

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") được lập ngày 12 tháng 2 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 10.2 của báo cáo tài chính riêng kèm theo, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
ERNST & YOUNG  
VIỆT NAM

Mai Việt Hùng Trần  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 0048-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>138.670.751.820</b>	<b>227.181.846.900</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>42.579.923.316</b>	<b>6.280.443.828</b>
111	1. Tiền		24.454.306.441	6.239.283.828
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.125.616.875	41.160.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>10</b>	<b>22.326.479.812</b>	<b>149.828.958.329</b>
121	1. Đầu tư tài chính ngắn hạn		22.326.479.812	149.828.958.329
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>72.975.630.731</b>	<b>68.826.915.804</b>
131	1. Phải thu khách hàng	5	1.554.610.487	18.415.336.784
132	2. Trả trước cho người bán	6	50.768.032.989	50.173.423.871
135	3. Các khoản phải thu khác	7	20.652.987.255	238.155.149
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>788.717.961</b>	<b>2.245.528.939</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		52.978.080	55.839.271
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		198.791.803	249.891.813
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19.2	-	995.015.078
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	536.948.078	944.782.777
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.023.018.321.928</b>	<b>300.999.128.732</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>7.988.423.323</b>	<b>8.818.708.164</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	7.988.423.323	8.818.708.164
222	Nguyên giá		15.697.031.575	15.697.031.575
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.708.608.252)	(6.878.323.411)
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>1.014.387.708.382</b>	<b>291.933.754.707</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		980.419.262.027	291.933.754.707
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		33.968.446.355	-
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>642.190.223</b>	<b>246.665.861</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		248.289.663	48.874.461
268	2. Tài sản dài hạn khác		393.900.560	197.791.400
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.161.689.073.748</b>	<b>528.180.975.632</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>8.855.678.246</b>	<b>52.282.086.791</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.735.164.746</b>	<b>51.161.573.291</b>
311	1. Vay ngắn hạn		-	9.500.000.000
312	2. Phải trả người bán	11	2.227.240.916	5.571.427.491
313	3. Người mua trả tiền trước		208.308.899	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	906.445.740	216.902.433
315	5. Phải trả người lao động		1.231.100.602	797.154.211
316	6. Chi phí phải trả		123.000.004	165.000.000
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	297.989.928	31.288.058.584
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.741.078.657	3.623.030.572
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.120.513.500</b>	<b>1.120.513.500</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	14	1.120.513.500	1.120.513.500
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.152.833.395.502</b>	<b>475.898.888.841</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>1.152.833.395.502</b>	<b>475.898.888.841</b>
411	1. Vốn cổ phần		616.437.480.000	200.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		477.636.068.236	226.238.904.236
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.756.899.134	5.756.899.134
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		5.756.899.134	5.756.899.134
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47.246.048.998	37.646.186.337
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.161.689.073.748</b>	<b>528.180.975.632</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

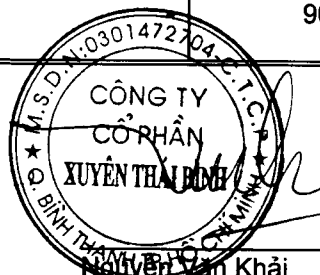
CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)		90.730.000



Nguyễn Thị Thu Hồng  
Người lập biểu



Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng



Phó Tổng Giám đốc


Ngày 12 tháng 2 năm 2015





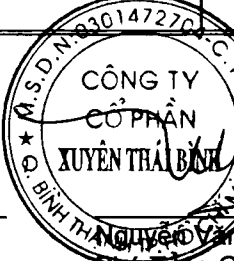
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.1	11.864.697.892	37.149.531.026
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	18	(9.805.120.646)	(34.941.209.097)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		2.059.577.246	2.208.321.929
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	88.846.013.214	32.379.326.649
22 23	5. Chi phí tài chính Chi phí lãi vay	17	(837.146.576) (35.677.778)	2.216.603.512 (14.561.556)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(18.201.555.131)	(12.120.811.698)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		71.866.888.753	24.683.440.392
31	8. Thu nhập khác		1.725.300	576.501
32	9. Chi phí khác		(9.000)	(593.849.897)
40	10. Thu nhập (lỗ) khác		1.716.300	(593.273.396)
50	11. Lợi nhuận trước thuế		71.868.605.053	24.090.166.996
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.2	(1.136.242.392)	(241.478.843)
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	(1.378.459.413)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		70.732.362.661	22.470.228.740

  
Nguyễn Thị Thu Hồng  
Người lập biểu

  
Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Văn Khải  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 2 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>71.868.605.053</b>	<b>24.090.166.996</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	830.284.841	1.258.497.435
03	Hoàn nhập dự phòng	17	-	(13.238.194.056)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(88.845.793.214)	(27.705.173.650)
06	Chi phí lãi vay	17	35.677.778	14.561.556
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(16.111.225.542)</b>	<b>(15.580.141.719)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		10.754.940.557	2.739.206.873
10	Giảm hàng tồn kho		-	3.600.000
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(33.393.438.914)	29.380.396.939
12	Tăng chi phí trả trước		(196.554.011)	(91.594.984)
13	Tiền lãi vay đã trả		(35.677.778)	(14.561.556)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19.2	-	(241.478.843)
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		494.582.880	2.092.054.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.667.389.605)	(4.051.234.358)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(40.154.762.413)</b>	<b>14.236.246.352</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi để mua cổ phiếu của đơn vị khác		(1.989.158.520.000)	(53.919.331.561)
24	Tiền thu hồi bán lại cổ phiếu của đơn vị khác		2.077.741.666.956	43.971.764.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(683.534.622.114)	(264.426.671.212)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	13.267.157.520
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		73.981.739.559	37.439.526.782
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(520.969.735.599)</b>	<b>(223.667.554.471)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	15.1	667.334.644.000	202.720.000.000
33	Tiền vay nhận được		-	46.944.000.000
34	Tiền vay đã trả		(9.500.000.000)	(37.444.000.000)
36	Cổ tức đã trả	15.2	(60.410.666.500)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>597.423.977.500</b>	<b>212.220.000.000</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		36.299.479.488	2.788.691.881
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.280.443.828	3.491.751.947
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	42.579.923.316	6.280.443.828



Nguyễn Thị Thu Hồng  
Người lập biểu



Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng



Ngày 12 tháng 2 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và cung cấp dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có văn phòng đại diện tại Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 19 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 11).

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 5 công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10.2 của báo cáo tài chính riêng.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10.2 và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.6 Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.7 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

**3.8 Dự phòng giảm giá đầu tư**

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.11 Thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.12 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và nợ vay.

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại theo Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	66.377.007	60.408.907
Tiền gửi ngân hàng	24.387.929.434	6.178.874.921
Các khoản tương đương tiền	18.125.616.875	41.160.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>42.579.923.316</u></b>	<b><u>6.280.443.828</u></b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	1.351.374.113	5.804.383.339
Bên liên quan (Thuyết minh số 20)	203.236.374	12.610.953.445
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.554.610.487</u></b>	<b><u>18.415.336.784</u></b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 20)	50.207.656.011	50.130.000.000
Bên thứ ba	560.376.978	43.423.871
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>50.768.032.989</u></b>	<b><u>50.173.423.871</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức được chia	20.499.742.500	-
Lãi phải thu	130.778.234	-
Khác	22.466.521	238.155.149
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.652.987.255</u></b>	<b><u>238.155.149</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	20.595.870.399	-
<i>Bên thứ ba</i>	57.116.856	238.155.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	525.250.000	944.582.880
Tạm ứng	11.698.078	199.897
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>536.948.078</b>	<b>944.782.777</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VNĐ			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm và cuối năm	13.688.708.885	1.660.440.540	347.882.150	15.697.031.575
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	3.256.809.102	386.370.000	347.882.150	3.991.061.252
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	5.302.780.303	1.232.900.592	342.642.516	6.878.323.411
Khấu hao trong năm	696.229.977	128.815.230	5.239.634	830.284.841
Số cuối năm	5.999.010.280	1.361.715.822	347.882.150	7.708.608.252
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	8.385.928.582	427.539.948	5.239.634	8.818.708.164
Số cuối năm	7.689.698.605	298.724.718	-	7.988.423.323

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
(Thuyết minh số 10.1)		
Đầu tư cổ phiếu (Thuyết minh số 10.1.1)	-	149.828.958.329
Đầu tư ngắn hạn khác (Thuyết minh số 10.1.2)	22.326.479.812	-
	<b>22.326.479.812</b>	<b>149.828.958.329</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 10.2)	980.419.262.027	291.933.754.707
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 10.3)	33.968.446.355	-
	<b>1.014.387.708.382</b>	<b>291.933.754.707</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

**10.1.1 Đầu tư cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VNĐ
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang	-	-	5.200.000	110.909.626.768
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương (*)	-	-	528.410	38.919.331.561
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>149.828.958.329</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã tiến hành mua thêm 8.138.085 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương, tăng tỷ lệ sở hữu từ 3,6% lên 56,7%. Theo đó, công ty này trở thành công ty con của Công ty (Thuyết minh số 10.2).

**10.1.2 Đầu tư ngắn hạn khác**

Đầu tư ngắn hạn khác thể hiện các hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

**10.2 Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương (Thuyết minh số 10.1.1).	648.061.401.979	56,7	-	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	285.083.820.048	62,4	244.659.714.707	54,6
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	25.000.000.000	100	25.000.000.000	100
Công ty TNHH Liên Thái Bình	22.274.040.000	100	22.274.040.000	100
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	-	99,9	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>980.419.262.027</b>		<b>291.933.754.707</b>	

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0103003628 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 2 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5503000010 do SKHĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 25 tháng 12 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính đặt tại Xã Tân Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10.2 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309493985 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên Thái Bình là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100230134 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, số 1C Đường Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313041011 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và các bên góp vốn chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn.

**10.3 Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	33.968.446.355	23%	-	-

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 20)	1.910.840.703	5.274.058.852
Bên thứ ba	316.400.213	297.368.639
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.227.240.916</b>	<b>5.571.427.491</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 19.2)	141.227.314	-
Thuế thu nhập cá nhân	765.218.426	216.902.433
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>906.445.740</b>	<b>216.902.433</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	91.640.426	83.342.584
Nhận ký quỹ	-	31.200.000.000
Khác	206.349.502	4.716.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>297.989.928</b>	<b>31.288.058.584</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	199.800.000	-
<i>Bên thứ ba</i>	98.189.928	31.288.058.584

**14. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trợ cấp thôi việc phải trả	803.812.500	803.812.500
Nhận ký quỹ dài hạn	316.701.000	316.701.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.120.513.500</b>	<b>1.120.513.500</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên thứ ba</i>	853.061.700	853.061.700
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	267.451.800	267.451.800

**Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						VND
Số đầu năm	115.500.000.000	108.518.904.236	5.756.899.134	5.756.899.134	17.746.095.148	253.278.797.652
Tăng vốn trong năm	85.000.000.000	117.720.000.000	-	-	-	202.720.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	22.470.228.740	22.470.228.740
Phân phối lợi nhuận Trích khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(1.960.137.551)	(1.960.137.551)
Số cuối năm	200.500.000.000	226.238.904.236	5.756.899.134	5.756.899.134	37.646.186.337	475.898.888.841
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	200.500.000.000	226.238.904.236	5.756.899.134	5.756.899.134	37.646.186.337	475.898.888.841
Tăng vốn trong năm	214.125.000.000	453.264.644.000	-	-	-	667.389.644.000
Phát hành cổ phiếu thường	201.812.480.000	(201.867.480.000)	-	-	-	(55.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	70.732.362.661	70.732.362.661
Cổ tức công bố Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(60.412.500.000)	(60.412.500.000)
Số cuối năm	616.437.480.000	477.636.068.236	5.756.899.134	5.756.899.134	47.246.048.998	1.152.833.395.502



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**15.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	200.500.000.000	115.500.000.000
Tăng trong năm	415.937.480.000	85.000.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>616.437.480.000</b>	<b>200.500.000.000</b>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức trả bằng tiền	60.410.666.500	-
Cổ tức chưa chi trả	1.833.500	-

**15.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>61.643.748</b>	<b>616.437.480.000</b>	<b>20.050.000</b>	<b>200.500.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	61.643.748	616.437.480.000	20.050.000	200.500.000.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	61.643.748	616.437.480.000	20.050.000	200.500.000.000

Trong năm, Công ty đã phát hành:

- 20.312.500 cổ phiếu cho cổ đông mới và cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 số 02-09/2013/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 10 tháng 9 năm 2013, và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02-01/2014/NQ-HĐQT, số 03-01/2014/NQ-HĐQT cùng ngày 16 tháng 1 năm 2014, số 04-01/2014/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 1 năm 2014, số 05/2014/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 3 năm 2014 và số 06-03/2014/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2014.
- 20.181.248 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01-05/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2014 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 18-08/2014/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2014.
- 1.100.000 cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01-05/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 19-09/2014/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 9 năm 2014.

Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty tăng từ 200.500.000.000 VNĐ lên 616.437.480.000 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**16. DOANH THU**

**16.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu</b>	<b><u>11.864.697.892</u></b>	<b><u>37.149.531.026</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu dịch vụ vệ sinh</i>	10.069.609.892	34.941.209.097
<i>Doanh thu cho thuê</i>	1.795.088.000	2.208.321.929

**16.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	67.623.964.421	31.068.253.281
Lãi từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh	12.198.973.261	1.159.799.867
Lãi từ đầu tư chứng khoán	5.570.373.232	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.452.482.300	151.273.501
Khác	220.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>88.846.013.214</u></b>	<b><u>32.379.326.649</u></b>

**17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng và môi giới	788.335.465	1.900.376.657
Chi phí lãi vay	35.677.778	14.561.556
Lỗ từ thanh lý cổ phiếu	-	6.714.353.132
Chi phí hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	2.375.015.866
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(13.238.194.056)
Khác	13.133.333	17.283.333
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>837.146.576</u></b>	<b><u>(2.216.603.512)</u></b>

**18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.688.938.689	38.974.698.695
Chi phí nhân công	10.090.989.020	6.721.625.777
Chi phí khấu hao ( <i>Thuyết minh số 9</i> )	830.284.841	1.258.497.435
Chi phí khác	396.463.227	107.198.888
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>28.006.675.777</u></b>	<b><u>47.062.020.795</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**19.1 Chi phí thuế TNDN**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.136.242.392	241.478.843
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	1.378.459.413
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.136.242.392</b>	<b>1.619.938.256</b>

**19.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế):

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>71.868.605.053</b>	<b>24.090.166.996</b>
<b>Các điều chỉnh</b>		
Thu nhập từ cổ tức	(67.623.964.421)	(31.068.253.281)
Chi phí không được khấu trừ	920.097.512	1.248.750.900
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	803.812.500
Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư	-	(5.513.837.652)
<b>Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>5.164.738.144</b>	<b>(10.439.360.537)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.136.242.392</b>	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	241.478.843
<b>Tổng chi phí thuế TNDN</b>	<b>1.136.242.392</b>	<b>241.478.843</b>
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(995.015.078)	(995.015.078)
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	(241.478.843)
<b>Thuế TNDN phải trả (trả trước) cuối năm</b>	<b>141.227.314</b>	<b>(995.015.078)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Hợp đồng hợp tác đầu tư	1.752.650.000.000
		Lãi từ đầu tư hợp tác	8.516.996.962
		Phí tư vấn và phát hành chứng khoán	4.544.000.000
		Chi phí thuê văn phòng Dịch vụ cung cấp	474.747.490 1.212.901.487
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	Cổ đông lớn	Hợp đồng hợp tác đầu tư	236.508.520.000
		Lãi từ đầu tư hợp tác	3.585.848.400
		Phí dịch vụ	144.118.520
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông lớn	Góp vốn	21.760.000.000
		Chi phí thuê văn phòng	1.175.766.125
		Đặt cọc thuê văn phòng	196.109.160
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Cổ đông lớn	Góp vốn	39.360.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư NDH Việt Nam	Bên liên quan	Phí dịch vụ	1.088.144.999
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Cổ tức	15.000.000.000
		Cung cấp dịch vụ vệ sinh	9.805.120.646
		Thuê văn phòng	1.141.159.915
		Doanh thu nội bộ	162.005.916
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Công ty con	Cổ tức	40.390.689.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	Công ty con	Cổ tức	16.102.702.500
Công ty TNHH Dịch vụ Liên Thái Bình	Công ty con	Cổ tức	5.000.000.000
Teal Two Partners Ltd	Cổ đông lớn	Góp vốn	258.336.000.000
Quỹ đầu tư Populus	Cổ đông lớn	Góp vốn	64.864.000.000
Công ty Quản lý Quỹ SSI	Cổ đông lớn	Góp vốn	129.920.000.000
		Cung cấp dịch vụ	325.800.000
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Góp vốn	15.440.000.000
		Chi phí thuê văn phòng	668.053.000
Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc	Góp vốn	13.380.000.000
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	Góp vốn	5.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Số tiền</i>
Ông Nguyễn Văn Khải	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn	2.560.000.000
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT	Góp vốn	600.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT	Góp vốn	2.100.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	Góp vốn	2.100.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Phải thu (phải trả)</i>
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Chi phí thuê văn phòng	<u>203.236.374</u>
<b>Các khoản phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	Công ty con	Cổ tức	12.999.742.500
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Cổ tức	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đồng lớn	Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư	<u>96.127.899</u>
			<b><u>20.595.870.399</u></b>
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đồng lớn	Đặt cọc mua chứng khoán Phí dịch vụ Đặt cọc	50.100.000.000 100.000.000 7.656.011
			<b><u>50.207.656.011</u></b>
<b>Ký cược dài hạn</b>			
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đồng lớn	Ký quỹ thuê văn phòng	304.700.560
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Ký quỹ thuê văn phòng	<u>79.200.000</u>
			<b><u>383.900.560</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Phải thu</i>	<i>(phải trả)</i>
<b><i>Phải trả người bán</i></b>				
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Cung cấp dịch vụ vệ sinh	(1.802.240.703)	
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ SSI	Cổ đông lớn	Phí tư vấn	(108.600.000)	
			<b><u>(1.910.840.703)</u></b>	
<b><i>Các khoản phải trả khác</i></b>				
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Doanh thu khác	(139.800.000)	
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT phải trả	(60.000.000)	
			<b><u>(199.800.000)</u></b>	
<b><i>Phải trả dài hạn khác</i></b>				
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Đặt cọc thuê văn phòng	(189.189.000)	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Đặt cọc thuê văn phòng	(78.262.800)	
			<b><u>(267.451.800)</u></b>	

Thu nhập của các thành Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương	4.332.214.221	4.403.706.797
Tiền thưởng	593.839.600	290.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.926.053.821</u></b>	<b><u>4.693.706.797</u></b>

**21. CÁC CAM KẾT**

**21.1 Cam kết góp vốn**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào công ty con, Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN với số tiền là 99.900.000.000 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**21. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

**21.2 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.386.403.360	1.689.735.900
Từ 1 đến 5 năm	6.122.937.562	2.394.998.274
Trên 5 năm	8.694.690.789	7.192.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.204.031.711</b>	<b>11.277.234.174</b>

**22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng*** (tiếp theo)

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

	<i>Tổng cộng</i>	<i>VNĐ Không quá hạn và không bị suy giảm</i>
Số đầu năm	65.706.671.618	65.706.671.618
Số cuối năm	25.838.154.892	25.838.154.892

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thanh khoản*** (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

	<i>Dưới 12 tháng</i>	<i>Trên 12 tháng</i>	<i>VNĐ</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán	2.227.240.916	-	2.227.240.916
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	329.349.506	316.701.000	646.050.506
	<b><u>2.556.590.422</u></b>	<b><u>316.701.000</u></b>	<b><u>2.873.291.422</u></b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay	9.500.000.000	-	9.500.000.000
Phải trả người bán	5.571.427.491	-	5.571.427.491
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	31.369.716.000	316.701.000	31.686.417.000
	<b><u>46.441.143.491</u></b>	<b><u>316.701.000</u></b>	<b><u>46.757.844.491</u></b>

***Tài sản đảm bảo***

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng			
<b>Tài sản tài chính</b>							
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	-	-	149.828.958.329	-	-	-	151.597.196.768
Cổ phiếu niêm yết	919.150.560	-	1.142.374.280	-	919.150.560	1.142.374.280	1.142.374.280
Tiền gửi ngân hàng và dài hạn	1.554.610.487	-	18.415.336.784	-	1.554.610.487	18.415.336.784	18.415.336.784
Phải thu khách hàng	20.652.987.255	-	238.155.148	-	20.652.987.255	238.155.148	238.155.148
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.579.923.316	-	6.280.443.828	-	42.579.923.316	6.280.443.828	6.280.443.828
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>65.706.671.618</b>	-	<b>175.905.268.369</b>	-	<b>65.706.671.618</b>	<b>177.673.506.808</b>	<b>177.673.506.808</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
Vay	-	-	-	-	-	-	9.500.000.000
Phải trả người bán	2.227.240.916	-	5.571.427.491	-	2.227.240.916	5.571.427.491	5.571.427.491
Phải trả khác	646.050.506	-	31.686.417.000	-	646.050.506	31.686.417.000	31.686.417.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.873.291.422</b>	-	<b>46.757.844.491</b>	-	<b>2.873.291.422</b>	<b>46.757.844.491</b>	<b>46.757.844.491</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

**24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Vào ngày 27 tháng 1 năm 2015, Công ty cũng hoàn tất việc phát hành 21.500.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược và cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty lên 831.437.480.000 VNĐ theo theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01-05/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 19-09/2014/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 9 năm 2014.

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

  
Nguyễn Thị Thu Hồng  
Người lập biểu

  
Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Khải  
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 12 tháng 2 năm 2015